

PHỤ LỤC
DỰ TOÁN KINH PHÍ PHỤC VỤ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ ĐẠI BIỂU
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026-2031
(Kèm theo Công văn số /UBND-VHXX ngày /01/2026 của UBND xã)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Dự toán thực hiện năm 2026			Tổng dự toán	Thuyết minh (chi tiết căn cứ cơ sở pháp lý lập dự toán từng nội dung chi)	Ghi chú
			Số lượng	Định mức	Thành tiền			
1	2		3	4	5=3*4	6	7	8
I	Chi cho tổ bầu cử theo nguyên tắc chi đủ				1.043.500.000	1.043.500.000		
1	Hòm phiếu	Cái	20	500.000	10.000.000			
2	Con dấu				10.800.000			
+	Ủy ban bầu cử		1	400.000	400.000			
+	Ban bầu cử		6	400.000	2.400.000			
+	Tổ bầu cử		20	400.000	8.000.000			
3	Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử	Bảng	21	1.500.000	31.500.000			
4	Chi văn phòng phẩm	Gói	20	2.000.000	40.000.000			Thanh toán theo chứng từ thực tế
5	Chi thuê hội trường và địa điểm bỏ phiếu	Điểm	20	1.000.000	20.000.000			
6	Phông, cờ, khẩu hiệu, bàn ghế, loa đài	Điểm	20	5.000.000	100.000.000			
7	Chi bồi dưỡng				831.200.000			
+	Chi bồi dưỡng Tổ bầu cử (ngày thường)	Người/ngày	467	200.000	467.000.000		Theo Luật Bầu cử 85/2015/QH13 gồm từ 11 đến 21 người	(BCĐ 15 người, BBC 15 người, Ủy ban BC 17 người, Tổ BC 21 người * 20 tổ) * 5 ngày

+	Chi bồi dưỡng ngày bầu cử	Người/ ngày	467	300.000	280.200.000		Mức chi theo Thông tư 87/2025/TT-BTC quy định	(BCĐ 15 người, BBC 15 người, Ủy ban BC 17 người, Tổ BC 21 người * 20 tổ) * 2 ngày
+	Chi tổ kiểm phiếu, quản lý phiếu bầu	Người/ ngày	140	300.000	84.000.000		Mức chi theo Thông tư 87/2025/TT-BTC quy định	(7 người * 20 tổ) * 2 ngày
II	Chi cho nghiệp vụ bầu cử				374.200.000	374.200.000		
1	Chi xây dựng các văn bản hướng dẫn phục vụ công tác bầu cử; các báo cáo văn bản liên quan đến công tác bầu cử				13.750.000			
+	Xây dựng văn bản	Văn bản	5	2.000.000	10.000.000		Theo NQ 42/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi	
+	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân	Văn bản	5	750.000	3.750.000		Theo NQ 42/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi	
2	Chi in tài liệu, ấn phẩm phục vụ bầu cử				28.810.000			
+	Thẻ cử tri	Thẻ	13.850	500	6.925.000			
+	Phiếu bầu	Tờ	13.850	1.000	13.850.000			
+	Danh sách cử tri, danh sách ứng cử viên	Tờ	2.500	500	1.250.000			
+	Tiểu sử tóm tắt	Tờ	500	5.000	2.500.000			
+	Biểu mẫu, biên bản kiểm phiếu	Tờ	1.050	500	525.000			
+	Nội quy phòng bỏ phiếu	Tờ	200	2.000	400.000			21 tổ * 10 bản
+	Phù hiệu nhân viên Tổ bầu cử	Cái	420	8.000	3.360.000			20 tổ * 21 cái
3	Chi tổ chức các hội nghị				331.640.000			
a	Hội nghị cử tri nơi cư trú	Buổi	20	3.500.000	70.000.000		Theo NQ 42/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi	
b	Chi hội nghị triển khai công tác BC				72.385.000		Theo NQ số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi	
+	Tham gia hội nghị	Người/ buổi	467	75.000	35.025.000			BCĐ 15 người, BBC 15 người, Ủy ban BC 17 người, Tổ BC 21 người * 20 tổ
+	Tài liệu phục vụ Hội nghị	Tập	467	30.000	14.010.000			

+	Chi giải khát giữa giờ	Người/ buổi	467	50.000	23.350.000			
c	Chi tập huấn triển khai công tác BC				16.585.000		Theo NQ số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi	
+	Tham gia tập huấn	Người/ buổi	107	75.000	8.025.000			
+	Tài liệu phục vụ Hội nghị	Tập	107	30.000	3.210.000			
+	Chi giải khát giữa giờ	Người/ buổi	107	50.000	5.350.000			
d	Chi hội nghị hiệp thương				27.900.000		Theo NQ số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi	
*	Tham gia hội nghị	Người/ buổi	180	75.000	13.500.000			03 lần * 60 người
	Tài liệu phục vụ Hội nghị	Tập	180	30.000	5.400.000			
	Chi giải khát giữa giờ	Người/ buổi	180	50.000	9.000.000			
d	Chi hội nghị sơ kết				72.385.000		Theo NQ số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi	BCĐ 15 người, BBC 15 người, Ủy ban BC 17 người, Tổ BC 21 người * 20 tổ
+	Tham gia hội nghị	Người/ buổi	467	75.000	35.025.000			
+	Tài liệu phục vụ Hội nghị	Tập	467	30.000	14.010.000			
+	Chi giải khát giữa giờ	Người/ buổi	467	50.000	23.350.000			
e	Chi hội nghị tổng kết	Người/ buổi	467	75.000	72.385.000		Theo NQ số 15/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi	BCĐ 15 người, BBC 15 người, Ủy ban BC 17 người, Tổ BC 21 người * 20 tổ
+	Tham gia hội nghị	Người/ buổi	467	75.000	35.025.000			
+	Tài liệu phục vụ Hội nghị	Tập	467	30.000	14.010.000			

+	Chi giải khát giữa giờ	Người/ buổi	467	50.000	23.350.000			
III	Chi tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử				39.600.000	39.600.000	Theo NQ 42/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi	
+	Người được giao trực tiếp công dân	đồng/ng ười/buổi	6	100.000	18.000.000			30 buổi
+	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/ng ười/buổi	6	70.000	12.600.000			
+	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	đồng/ng ười/buổi	6	50.000	9.000.000			
IV	Chi cho công tác bảo đảm an ninh, trật tự, thông tin, tuyên truyền hướng dẫn và vận động bầu cử				100.000.000	100.000.000	Theo NQ 42/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi	
1	Chi cho công tác bảo đảm an ninh, trật tự				40.000.000			
+	Chi cho công tác đảm bảo an ninh trật tự tại xã	Người/ ngày	200	200.000	40.000.000			05 người * 20 điểm * 02 ngày
2	Chi cho công tác thông tin, tuyên truyền hướng dẫn và vận động bầu cử				60.000.000			
+	Pano áp phích	Điểm	20	3.000.000	60.000.000			Thanh toán theo chứng từ thực tế
V	Chi cho phương tiện, thông tin, công tác phí				10.000.000	10.000.000	Theo NQ 42/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi	
1	Xăng xe				5.000.000			
2	Công tác phí				5.000.000			
VI	Chi bồi dưỡng, hỗ trợ (phương tiện, liên lạc) cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử				1.443.000.000	1.443.000.000	Theo NQ 42/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi	
1	Chi bồi dưỡng tham gia phục vụ công tác bầu cử				1.357.200.000			4 tháng

+	Trưởng, Phó Trưởng BCĐ; Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thư ký Ủy ban bầu cử; Tổ trưởng Tổ giúp việc BCĐ; Tổ trưởng Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	10	2.300.000	92.000.000			4 tháng
+	Các thành viên của UBBC xã	đồng/người/tháng	47	2.000.000	376.000.000			4 tháng
+	Các thành viên tổ giúp việc của UBBC xã	đồng/người/tháng	36	1.800.000	259.200.000			4 tháng
+	Tổ trưởng, thư ký và các ủy viên Tổ bầu cử	đồng/người/tháng	420	1.500.000	630.000.000			1 tháng
2	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động	đồng/người/tháng			85.200.000			
+	Các thành viên của UBBC xã	đồng/người/tháng	47	300.000	56.400.000			
+	Các thành viên tổ giúp việc của UBBC xã	đồng/người/tháng	36	200.000	28.800.000			
3	Trung tập Công chức cục thống kê tỉnh để thực hiện việc thông kê, tính toán kết quả bầu cử	đồng/người/ngày	2	150.000	600.000			2 ngày
VII	Chi phục vụ công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát công tác bầu cử				36.600.000	36.600.000		
1	Công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát				5.600.000		Theo NQ 42/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi	
+	Trưởng đoàn kiểm tra, giám sát	đồng.người/buổi	1	200.000	1.000.000			5 buổi
+	Thành viên chính thức của đoàn kiểm tra, giám sát	đồng.người/buổi	5	150.000	3.750.000			
+	Các bộ phận phục vụ trực tiếp đoàn kiểm tra, giám sát	đồng.người/buổi	1	100.000	500.000			
+	Các bộ phận phục vụ gián tiếp đoàn kiểm tra, giám sát (Lái xe)	đồng.người/buổi	1	70.000	350.000			
2	Xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát				31.000.000		Theo NQ 42/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi	

+	Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác	Báo cáo	6	3.500.000	21.000.000			
+	Báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban bầu cử	Báo cáo	2	5.000.000	10.000.000			
VIII	Chi công tác tuyên truyền				40.000.000	40.000.000		
+	Chi thông tin tuyên truyền	Điểm	20	2.000.000	40.000.000			Thanh toán theo chứng từ thực tế
IX	Chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác bầu cử				48.660.000	48.660.000		
+	Dọn vệ sinh khu vực trước và sau bầu cử	Lần	40	200.000	8.000.000			20 điểm * 02 lần
+	Nước uống các điểm bầu cử	Điểm	20	500.000	10.000.000			Thanh toán theo chứng từ thực tế
+	Khám sức khỏe	Người/ lần	32	300.000	9.600.000			Thanh toán theo chứng từ thực tế
+	Chi khen thưởng 05 tập thể	Đồng/ người	5	1.404.000	7.020.000			Thanh toán theo chứng từ thực tế
+	Chi khen thưởng 20 cá nhân	Đồng/ người	20	702.000	14.040.000			Thanh toán theo chứng từ thực tế
	Tổng cộng				3.135.560.000	3.135.560.000		

